

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 15-4-2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ – TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Nhi;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Thanh Xuân

Bà Trần Thị Thúy Phượng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2023/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST – HNGĐ, ngày 29/3/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Mai Tuấn C, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Bà Thái Thị Thùy D, sinh năm 1989 (Vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/9/2023 và lời khai của nguyên đơn ông Mai Tuấn C trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:

Ông C và bà Thái Thị Thùy D chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống có một con chung tên Mai Tuấn K, sinh ngày 15/7/2008, hiện ông C đang nuôi dưỡng. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông C và bà D bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, chung sống không có hạnh phúc nên không còn sống chung với nhau từ năm 2020 cho đến nay.

Nay ông C yêu cầu ly hôn với bà Thái Thị Thùy D. Về con chung: Ông yêu cầu nuôi con tên Mai Tuấn K và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông C và bà D không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Thái Thị Thùy D mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để thông báo và triệu tập bà D tham gia tố tụng nhưng bà D không có mặt cũng không có lời khai cung cấp cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Tuấn C, cho ông Mai Tuấn C ly hôn với bà Thái Thị Thùy D. Về con chung: Giao con chung tên Mai Tuấn K cho ông C nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Không có nên không xem xét. Về án phí: Buộc ông Mai Tuấn C chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” và bị đơn cư trú tại Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Mai Tuấn C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn bà Thái Thị Thùy D, sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà D, nhưng bà D vắng mặt tại địa phương từ năm 2020 cho đến nay nên Tòa án không thể thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng được. Tuy nhiên, ông C đã có yêu cầu tuyên bố bà Thái Thị Thùy D mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2023/QĐST –VDS, ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè. Do đó, Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai tất cả các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nhưng bà D vẫn không đến Tòa tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Mai Tuấn C và bà Thái Thị Thùy D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà D chung sống với nhau vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, việc xác lập quan hệ vợ chồng của ông C và bà D được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của ông Mai Tuấn C: Ông C cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do ông C và bà D bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, chung sống không có hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với bà D. Xét thấy, bà Thái Thị Thùy D đã bỏ đi khỏi địa phương biệt tích từ năm 2020 cho đến nay, mặc dù ông C đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo, tìm kiếm theo quy định pháp luật nhưng vẫn không có tin tức xác thực của bà D. Nên ông C yêu cầu tuyên bố mất tích đối với bà D và được Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè thụ lý giải quyết ra Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2023/QĐST –VDS, ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè chấp nhận yêu cầu của ông C, tuyên bố bà Thái Thị Thùy D mất tích. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C là có cơ sở.

[5] Về con chung: Mai Tuấn K có nguyện vọng sống với ông Mai Tuấn C, đồng thời ông C cũng yêu cầu nuôi con Mai Tuấn K. Xét thấy, từ khi ông C và bà D không còn sống chung, ông C là người nuôi dưỡng Mai Tuấn K và hiện nay ông C vẫn đảm bảo việc nuôi con tốt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C, giao Mai Tuấn K cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Ông Mai Tuấn C không yêu cầu bà Thái Thị Thùy D cấp dưỡng nuôi con tên Mai Tuấn K nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Ông Mai Tuấn C không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Ông Mai Tuấn C khai không có nợ chung, không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Ông Mai Tuấn C phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 179, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Tuấn C;

Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Mai Tuấn C ly hôn với bà Thái Thị Thùy D

Về con chung: Giao con chung tên Mai Tuấn K, sinh ngày 15/7/2008 cho ông Mai Tuấn C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Mai Tuấn C không yêu cầu bà Thái Thị Thùy D cấp dưỡng nuôi con Mai Tuấn K, sinh ngày 15/7/2008 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Ông Mai Tuấn C không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông Mai Tuấn C khai không có nợ chung, không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Ông Mai Tuấn C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0017584, ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Kè. Ông Mai Tuấn C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Mai Tuấn C và bị đơn bà Thái Thị Thùy D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Yến Nhi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

Ngô Thanh Xuân

Trần Thị Thúy Phượng

Phạm Thị Yên Nhi

